TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 11 - 2024
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Quyến
Ông Nguyễn Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 13 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 590/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024, về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Thị N, sinh năm 1987
Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

- *Bị đơn*: Lê Văn N1, sinh năm 1980
Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và những lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn là ông Lê Văn N1 tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2008, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, làm cho hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay.

Về con chung: Có 03 con chung là: Lê Thị Bảo N2, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2009; Lê Nhật H, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2012; Lê Quốc B, sinh ngày

20 tháng 02 năm 2017. Cả ba con chung đều do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng từ năm 2018 cho đến nay.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bị đơn; về con chung: Yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là Lê Thị Bảo N2, Lê Nhật H và Lê Quốc B, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại văn bản ngày 25 tháng 10 năm 2024 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là ông Lê Văn N1 có lời trình bày phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn.

Bị đơn đồng ý ly hôn; yêu cầu nuôi dưỡng con chung là Lê Thị Bảo N2, đồng ý giao 02 con chung là Lê Nhật H và Lê Quốc B cho nguyên đơn nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu.

- Tại các biên bản ghi nhận ý kiến cùng ngày 08 tháng 10 năm 2024, các con chung của nguyên đơn và bị đơn là Lê Thị Bảo N2, Lê Nhật H và Lê Quốc B đều có nguyện vọng muốn sống chung với nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xuất phát từ mâu thuẫn vợ chồng, các đương sự đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Thời gian sống ly thân đã lâu, nhưng không có biện pháp hàn gắn quan hệ hôn nhân; bỏ mặc vợ, chồng để sống ly thân; không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Chứng minh hôn nhân giữa các đương sự đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn cũng thống nhất ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn.

[3.2] Về con chung: Xét các con chung của nguyên đơn và bị đơn là Lê Thị Bảo N2, Lê Nhật H và Lê Quốc B đều đã được nguyên đơn nuôi dưỡng ổn định từ năm 2018 cho đến nay, đồng thời các con chung đều có nguyện vọng muốn sống chung với nguyên đơn. Do đó, yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung của nguyên đơn là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con, quá trình hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn xác định mình có khả năng, điều kiện nuôi con nên không yêu cầu. Xét việc không yêu cầu cấp dưỡng của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không buộc bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn Nguyễn Thị N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn N1.

1.2 Về con chung: Bà Nguyễn Thị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là Lê Thị Bảo N2, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2009; Lê Nhật H, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2012; Lê Quốc B, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2017. Ông Lê Văn N1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà Nguyễn Thị N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Lê Văn N1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

1.3. Về tài sản chung: Không yêu cầu, không xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007167 ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không ai phải nộp thêm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- UBND xã Hòa Mỹ, H. Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Hữu Thắng